

MÃ ĐỀ: 401

Đề thi khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Vùng nông nghiệp có diện tích trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 2.** Du lịch văn hóa gắn với văn minh lúa nước là sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.  
C. Bắc Trung Bộ. D. Đông Nam Bộ.

**Câu 3.** Khi có bão ở miền núi nước ta thường hay xảy ra

- A. rét hại. B. động đất. C. lũ quét. D. băng giá.

**Câu 4.** Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. đường thủy nội địa. B. đường hàng không. C. đường biển. D. đường bộ.

**Câu 5.** Các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. chè, cà phê, cao su. B. đậu tương, lạc, điều.  
C. mía, chè, hồ tiêu. D. cao su, điều, hồ tiêu.

**Câu 6.** Quá trình đô thị hóa của nước ta hiện nay

- A. các đô thị đều là trung tâm kinh tế. B. chưa gắn liền với công nghiệp hóa.  
C. không gian các đô thị được mở rộng. D. tỉ lệ dân thành thị cao hơn nông thôn.

**Câu 7.** Ngành dịch vụ của nước ta trong những năm gần đây phát triển nhanh chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển. B. người nhập cư tăng.  
C. tài nguyên đa dạng. D. vị trí địa lí thuận lợi.

**Câu 8.** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp phân theo ngành ở nước ta hiện nay là

- A. phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất. B. giảm tỉ trọng của các ngành công nghệ cao.  
C. chú trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước. D. tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.

**Câu 9.** Đặc điểm dân số ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay

- A. mật độ cao nhất cả nước. B. phân bố rất đồng đều.  
C. chỉ có dân tộc Kinh. D. tỉ lệ dân thành thị giảm.

**Câu 10.** Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

- A. máy móc. B. khoáng sản. C. nông sản. D. thủy sản.

**Câu 11.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với nguồn lao động của nước ta hiện nay?

- A. Tập trung đông ở đồng bằng ven biển. B. Phần lớn có trình độ đại học trở lên.  
C. Có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp. D. Tiếp thu nhanh khoa học công nghệ.

**Câu 12.** Phần đất liền của nước ta

- A. trải dài trên nhiều vĩ độ. B. có điểm cực Tây giáp biển.  
C. bao gồm vùng nội thủy. D. nằm phía bắc của Trung Quốc.

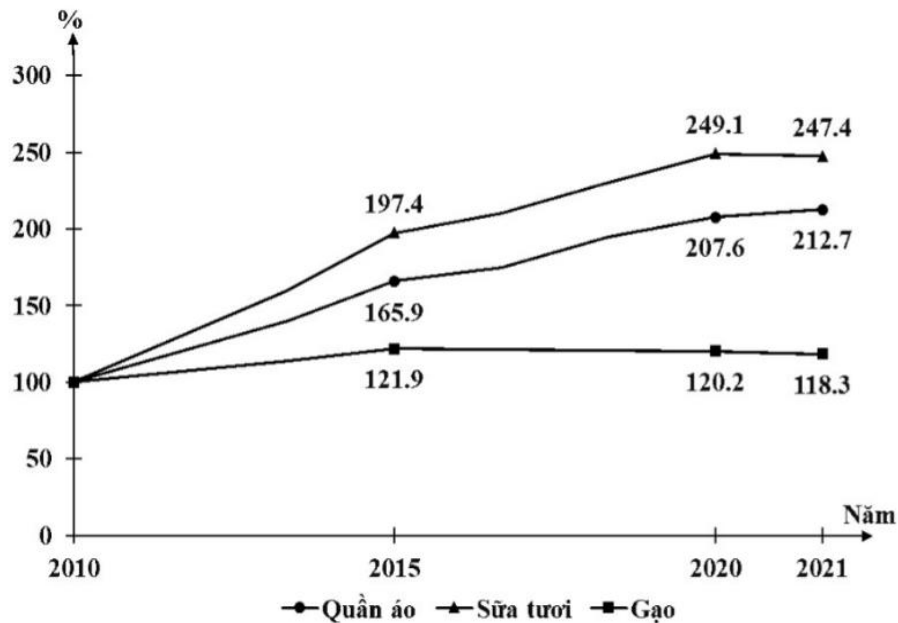
**Câu 13.** Tổng số giờ nắng của phần lãnh thổ phía Nam khác phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do

- A. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam khô nóng.
- B. địa hình thấp hơn, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh xa nhau.
- C. nằm ở vĩ độ thấp, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- D. có góc nhập xạ lớn, gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.

**Câu 14.** Thế mạnh chủ yếu để Bắc Trung Bộ phát triển cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- B. địa hình bờ biển đa dạng với nhiều cồn cát, đầm phá.
- C. vùng biển rộng với tài nguyên thủy sản phong phú.
- D. địa hình phân hóa từ tây sang đông thành ba dải.

**Câu 15.** Cho biểu đồ về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 - 2021:



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị sản xuất một số sản phẩm công nghiệp.
- B. Cơ cấu sản lượng một số sản phẩm công nghiệp.
- C. Quy mô sản lượng một số sản phẩm công nghiệp.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp.

**Câu 16.** Địa hình xâm thực phổ biến ở vùng núi nước ta chủ yếu do

- A. sông ngòi dày đặc, sinh vật phát triển mạnh.
- B. khí hậu phân hóa đai cao, vỏ phong hóa dày.
- C. chặt phá rừng bừa bãi, sạt lở đất, lũ quét.
- D. nhiệt ẩm cao, lượng mưa nhiều, địa hình dốc.

**Câu 17.** Doanh thu du lịch của Duyên hải Nam Trung Bộ tăng trong những năm gần đây chủ yếu do

- A. nhiều bãi biển, nguồn lao động dồi dào.
- B. có nhiều di sản, đẩy mạnh liên kết vùng.
- C. chính sách hợp lý, nhu cầu du lịch tăng.
- D. tài nguyên du lịch đa dạng, dân số đông.

**Câu 18.** Mục đích chủ yếu của việc phát triển mô hình nông nghiệp xanh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. phòng chống thiên tai, cung cấp sản phẩm chất lượng cao để xuất khẩu.
- B. tăng sản lượng nông sản, đẩy mạnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.
- C. phát triển công nghệ cao, phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- D. tạo nhiều nông sản hàng hóa, góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Giao thông vận tải của nước ta có mạng lưới ngày càng phát triển với nhiều loại hình vận tải. Khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển có xu hướng tăng. Sự phát triển của ngành đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh liên kết giữa các vùng và hội nhập với quốc tế.

- a) Mạng lưới đường hàng không, đường ống của nước ta đều đã phủ kín khắp các vùng.
- b) Đường ô tô có chất lượng vận tải ngày càng được cải thiện, khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn nhất trong các loại hình vận tải ở nước ta hiện nay.
- c) Nguồn lao động đông, trình độ lao động ngày càng được nâng cao là nguyên nhân chủ yếu nâng cao năng lực vận chuyển của đường hàng không ở nước ta trong những năm gần đây.
- d) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển dịch vụ logistics là các giải pháp quan trọng thúc đẩy sự phát triển vận tải đường biển ở nước ta.

**Câu 2.** Cho đoạn thông tin:

Khí hậu mát mẻ với nhiệt độ trung bình các tháng dưới 25<sup>0</sup>C, mưa nhiều, độ ẩm không khí cao. Quá trình feralit diễn ra yếu. Thực vật phong phú, động vật có các loài thú như gấu, sóc... Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên theo độ cao góp phần tạo nên sự độc đáo trong sản xuất của nước ta.

- a) Nội dung trên là đặc điểm tự nhiên của đai nhiệt đới gió mùa.
- b) Các loại đất đặc trưng của đai là đất feralit có mùn và đất mùn thô.
- c) Sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa cùng với các loại đất khác nhau tạo nên sự đa dạng về thành phần loài thực vật của đai này.
- d) Phân hóa thiên nhiên theo độ cao là nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc mở rộng quy mô sản xuất và chất lượng sản phẩm của ngành trồng trọt.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng điện phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2015 và năm 2022**

(Đơn vị: triệu kwh)

| Năm                              | 2015      | 2022      |
|----------------------------------|-----------|-----------|
| Kinh tế Nhà nước                 | 177 201,9 | 174 708,2 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước           | 16 713,5  | 73 557,2  |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 21 503,3  | 19 987,8  |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

- a) Năm 2022 so với năm 2015, quy mô sản lượng điện của kinh tế Nhà nước giảm.
- b) Tổng sản lượng điện phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2022 cao gấp hai lần năm 2015.
- c) Cơ cấu sản lượng điện phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2022 xếp theo thứ tự tăng dần về tỉ trọng lần lượt là kinh tế Nhà nước, kinh tế ngoài Nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi sản lượng điện phân theo loại hình kinh tế ở nước ta năm 2015 và năm 2022.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng tiếp giáp với hai nước láng giềng và một số vùng kinh tế khác của nước ta. Địa hình của vùng có nhiều cao nguyên badan xếp tầng rộng lớn với khí hậu phân hóa đa dạng. Vùng đang đẩy mạnh khai thác các nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống cho người dân.

- a) Tây Nguyên tiếp giáp với Đồng bằng sông Cửu Long.
- b) Vùng có tiềm năng phát triển thủy điện lớn thứ hai của nước ta hiện nay với nhiều nhà máy đã được xây dựng như Ialy, Sê San, Hòa Bình.
- c) Sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên ngày càng đa dạng là do đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và đáp ứng nhu cầu khác nhau của thị trường.
- d) Hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm gắn với dịch vụ nông nghiệp là các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho vùng trong thời gian tới.

**PHẦN III.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm khí tượng Láng (Hà Nội)**

(Đơn vị: mm)

| Tháng     | 1   | 2    | 3   | 4    | 5    | 6     | 7     | 8     | 9     | 10   | 11   | 12   |
|-----------|-----|------|-----|------|------|-------|-------|-------|-------|------|------|------|
| Lượng mưa | 8,0 | 24,2 | 7,6 | 72,0 | 64,2 | 375,4 | 134,6 | 358,8 | 269,7 | 22,4 | 61,0 | 21,6 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất năm 2023 tại trạm khí tượng Láng (Hà Nội) là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 2.** Năm 2022, nước ta có số dân nam là 49,6 triệu người, số dân nữ là 49,9 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nam/100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Vinh năm 2022**

(Đơn vị: °C)

| Tháng    | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8  | 9    | 10   | 11   | 12 |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|----|------|------|------|----|
| Nhiệt độ | 19,5 | 16,3 | 23,1 | 24,3 | 27,4 | 31,4 | 30,1 | 29 | 27,9 | 24,8 | 24,7 | 18 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Vinh là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 4.** Sản lượng vải của nước ta năm 2010 là 1176,9 triệu m<sup>2</sup>, năm 2021 là 2520,7 triệu m<sup>2</sup>. Hãy cho biết sản lượng vải năm 2021 tăng bao nhiêu lần so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển của một số loại hình vận tải nước ta năm 2022**

| Chỉ tiêu                              | Đường sắt | Đường biển |
|---------------------------------------|-----------|------------|
| Khối lượng vận chuyển (Triệu tấn)     | 5,7       | 97,9       |
| Khối lượng luân chuyển (Triệu tấn.km) | 4546,5    | 95407,8    |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình năm 2022 của ngành vận tải đường biển cao hơn đường sắt bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

**Diện tích gieo trồng lúa của cả nước và một số vùng năm 2022**

(Đơn vị: Nghìn ha)

| Vùng                    | 2022   |
|-------------------------|--------|
| Cả nước                 | 7108,9 |
| Đồng bằng sông Hồng     | 953,6  |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3802,7 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng diện tích gieo trồng lúa so với cả nước năm 2022 của Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----HẾT-----

MÃ ĐỀ: 403

Đề thi khảo sát gồm 04 trang.

Họ và tên học sinh:.....

Số báo danh:.....

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Ngành dịch vụ của nước ta trong những năm gần đây phát triển nhanh chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển. B. vị trí địa lí thuận lợi.  
C. tài nguyên đa dạng. D. người nhập cư tăng.

**Câu 2.** Loại hình vận tải có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. đường hàng không. B. đường bộ.  
C. đường biển. D. đường thủy nội địa.

**Câu 3.** Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu của nước ta hiện nay là

- A. nông sản. B. khoáng sản. C. máy móc. D. thủy sản.

**Câu 4.** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu công nghiệp phân theo ngành ở nước ta hiện nay là

- A. giảm tỉ trọng của các ngành công nghệ cao. B. tăng tỉ trọng nhóm ngành chế biến, chế tạo.  
C. phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất. D. chú trọng khu vực kinh tế ngoài Nhà nước.

**Câu 5.** Khi có bão ở miền núi nước ta thường hay xảy ra

- A. lũ quét. B. động đất. C. băng giá. D. rét hại.

**Câu 6.** Phần đất liền của nước ta

- A. có điểm cực Tây giáp biển. B. bao gồm vùng nội thủy.  
C. trải dài trên nhiều vĩ độ. D. nằm phía bắc của Trung Quốc.

**Câu 7.** Quá trình đô thị hóa của nước ta hiện nay

- A. chưa gắn liền với công nghiệp hóa. B. các đô thị đều là trung tâm kinh tế.  
C. không gian các đô thị được mở rộng. D. tỉ lệ dân thành thị cao hơn nông thôn.

**Câu 8.** Các cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều ở Đông Nam Bộ hiện nay là

- A. mía, chè, hồ tiêu. B. cao su, điều, hồ tiêu.  
C. chè, cà phê, cao su. D. đậu tương, lạc, điều.

**Câu 9.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với nguồn lao động của nước ta hiện nay?

- A. Có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp. B. Tập trung đông ở đồng bằng ven biển.  
C. Tiếp thu nhanh khoa học công nghệ. D. Phần lớn có trình độ đại học trở lên.

**Câu 10.** Du lịch văn hóa gắn với văn minh lúa nước là sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc. B. Đông Nam Bộ.  
C. Bắc Trung Bộ. D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**Câu 11.** Vùng nông nghiệp có diện tích trồng cây ăn quả lớn nhất nước ta hiện nay là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Duyên hải Nam Trung Bộ.  
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

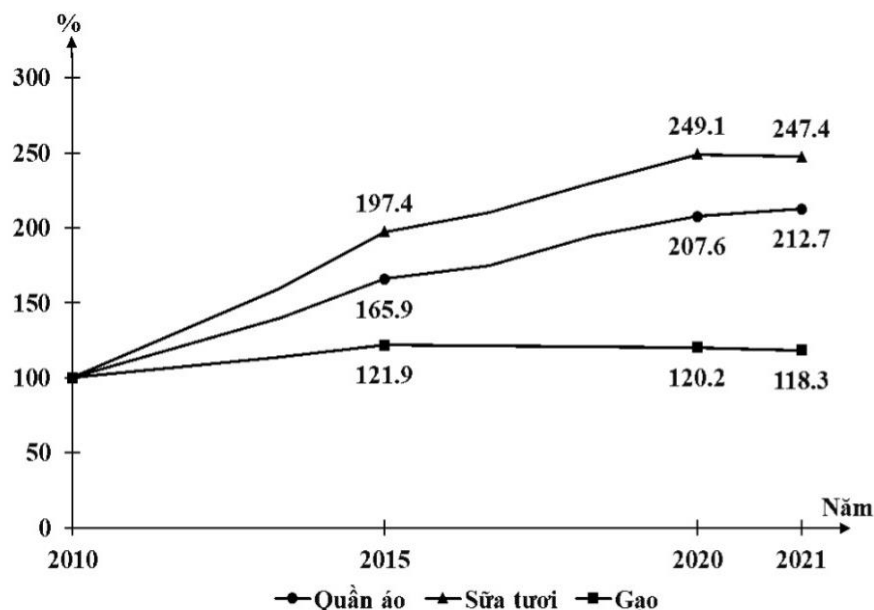
**Câu 12.** Đặc điểm dân số ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay

- A. chỉ có dân tộc Kinh. B. phân bố rất đồng đều.  
C. tỉ lệ dân thành thị giảm. D. mật độ cao nhất cả nước.

**Câu 13.** Tổng số giờ nắng của phần lãnh thổ phía Nam khác phần lãnh thổ phía Bắc chủ yếu do

- A. có góc nhập xạ lớn, gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh.  
B. nằm ở vĩ độ thấp, ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.  
C. địa hình thấp hơn, hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh xa nhau.  
D. Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam khô nóng.

- Câu 14.** Doanh thu du lịch của Duyên hải Nam Trung Bộ tăng trong những năm gần đây chủ yếu do
- A. có nhiều di sản, đẩy mạnh liên kết vùng. B. chính sách hợp lí, nhu cầu du lịch tăng.
- C. nhiều bãi biển, nguồn lao động dồi dào. D. tài nguyên du lịch đa dạng, dân số đông.
- Câu 15.** Cho biểu đồ về sản lượng một số sản phẩm công nghiệp nước ta giai đoạn 2010 - 2021:



(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp.
- B. Quy mô sản lượng một số sản phẩm công nghiệp.
- C. Giá trị sản xuất một số sản phẩm công nghiệp.
- D. Cơ cấu sản lượng một số sản phẩm công nghiệp.
- Câu 16.** Địa hình xâm thực phổ biến ở vùng núi nước ta chủ yếu do
- A. khí hậu phân hóa đai cao, vỏ phong hóa dày. B. chặt phá rừng bừa bãi, sạt lở đất, lũ quét.
- C. sông ngòi dày đặc, sinh vật phát triển mạnh. D. nhiệt ẩm cao, lượng mưa nhiều, địa hình dốc.
- Câu 17.** Mục đích chủ yếu của việc phát triển mô hình nông nghiệp xanh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là
- A. phát triển công nghệ cao, phục hồi các nguồn tài nguyên thiên nhiên.
- B. tăng sản lượng nông sản, đẩy mạnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.
- C. tạo nhiều nông sản hàng hóa, góp phần bảo vệ tài nguyên môi trường.
- D. phòng chống thiên tai, cung cấp sản phẩm chất lượng cao để xuất khẩu.
- Câu 18.** Thế mạnh chủ yếu để Bắc Trung Bộ phát triển cơ cấu kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là
- A. địa hình bờ biển đa dạng với nhiều cồn cát, đầm phá.
- B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.
- C. vùng biển rộng với tài nguyên thủy sản phong phú.
- D. địa hình phân hóa từ tây sang đông thành ba dải.

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng điện phân theo khu vực kinh tế nước ta năm 2015 và năm 2022**

(Đơn vị: triệu kwh)

| Năm                              | 2015      | 2022      |
|----------------------------------|-----------|-----------|
| Kinh tế Nhà nước                 | 177 201,9 | 174 708,2 |
| Kinh tế ngoài Nhà nước           | 16 713,5  | 73 557,2  |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 21 503,3  | 19 987,8  |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê)

- a) Năm 2022 so với năm 2015, quy mô sản lượng điện của kinh tế Nhà nước giảm.

- b) Tổng sản lượng điện phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2022 cao gấp hai lần năm 2015.  
 c) Cơ cấu sản lượng điện phân theo khu vực kinh tế của nước ta năm 2022 xếp theo thứ tự tăng dần về tỉ trọng lần lượt là kinh tế Nhà nước, kinh tế ngoài Nhà nước, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
 d) Biểu đồ tròn là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi sản lượng điện phân theo loại hình kinh tế ở nước ta năm 2015 và năm 2022.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

Tây Nguyên có vị trí chiến lược quan trọng tiếp giáp với hai nước láng giềng và một số vùng kinh tế khác của nước ta. Địa hình của vùng có nhiều cao nguyên badan xếp tầng rộng lớn với khí hậu phân hóa đa dạng. Vùng đang đẩy mạnh khai thác các nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao mức sống cho người dân.

- a) Tây Nguyên tiếp giáp với Đồng bằng sông Cửu Long.  
 b) Vùng có tiềm năng phát triển thủy điện lớn thứ hai của nước ta hiện nay với nhiều nhà máy đã được xây dựng như Ialy, Sê San, Hòa Bình.  
 c) Sản phẩm cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên ngày càng đa dạng là do đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến và đáp ứng nhu cầu khác nhau của thị trường.  
 d) Hình thành các chuỗi liên kết trong sản xuất cây công nghiệp lâu năm gắn với dịch vụ nông nghiệp là các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế cho vùng trong thời gian tới.

**Câu 3.** Cho đoạn thông tin:

Khí hậu mát mẻ với nhiệt độ trung bình các tháng dưới  $25^{\circ}\text{C}$ , mưa nhiều, độ ẩm không khí cao. Quá trình feralit diễn ra yếu. Thực vật phong phú, động vật có các loài thú như gấu, sóc... Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên theo độ cao góp phần tạo nên sự độc đáo trong sản xuất của nước ta.

- a) Nội dung trên là đặc điểm tự nhiên của đai nhiệt đới gió mùa.  
 b) Các loại đất đặc trưng của đai là đất feralit có mùn và đất mùn thô.  
 c) Sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa cùng với các loại đất khác nhau tạo nên sự đa dạng về thành phần loài thực vật của đai này.  
 d) Phân hóa thiên nhiên theo độ cao là nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến việc mở rộng quy mô sản xuất và chất lượng sản phẩm của ngành trồng trọt.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Giao thông vận tải của nước ta có mạng lưới ngày càng phát triển với nhiều loại hình vận tải. Khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển có xu hướng tăng. Sự phát triển của ngành đã góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đẩy mạnh liên kết giữa các vùng và hội nhập với quốc tế.

- a) Mạng lưới đường hàng không, đường ống của nước ta đều đã phủ kín khắp các vùng.  
 b) Đường ô tô có chất lượng vận tải ngày càng được cải thiện, khối lượng hàng hóa vận chuyển lớn nhất trong các loại hình vận tải ở nước ta hiện nay.  
 c) Nguồn lao động đông, trình độ lao động ngày càng được nâng cao là nguyên nhân chủ yếu nâng cao năng lực vận chuyển của đường hàng không ở nước ta trong những năm gần đây.  
 d) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển dịch vụ logistics là các giải pháp quan trọng thúc đẩy sự phát triển vận tải đường biển ở nước ta.

**PHẦN III.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại trạm quan trắc Vinh năm 2022**

(Đơn vị:  $^{\circ}\text{C}$ )

| Tháng    | 1    | 2    | 3    | 4    | 5    | 6    | 7    | 8  | 9    | 10   | 11   | 12 |
|----------|------|------|------|------|------|------|------|----|------|------|------|----|
| Nhiệt độ | 19,5 | 16,3 | 23,1 | 24,3 | 27,4 | 31,4 | 30,1 | 29 | 27,9 | 24,8 | 24,7 | 18 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Vinh là bao nhiêu  $^{\circ}\text{C}$  (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm khí tượng Láng (Hà Nội)**

(Đơn vị: mm)

| Tháng     | 1   | 2    | 3   | 4    | 5    | 6     | 7     | 8     | 9     | 10   | 11   | 12   |
|-----------|-----|------|-----|------|------|-------|-------|-------|-------|------|------|------|
| Lượng mưa | 8,0 | 24,2 | 7,6 | 72,0 | 64,2 | 375,4 | 134,6 | 358,8 | 269,7 | 22,4 | 61,0 | 21,6 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2023, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết chênh lệch lượng mưa giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất năm 2023 tại trạm khí tượng Láng (Hà Nội) là bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hóa vận chuyển và luân chuyển của một số loại hình vận tải nước ta năm 2022**

| Chỉ tiêu                              | Đường sắt | Đường biển |
|---------------------------------------|-----------|------------|
| Khối lượng vận chuyển (Triệu tấn)     | 5,7       | 97,9       |
| Khối lượng luân chuyển (Triệu tấn.km) | 4546,5    | 95407,8    |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết cự li vận chuyển trung bình năm 2022 của ngành vận tải đường biển cao hơn đường sắt bao nhiêu km (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Sản lượng vải của nước ta năm 2010 là 1176,9 triệu m<sup>2</sup>, năm 2021 là 2520,7 triệu m<sup>2</sup>. Hãy cho biết sản lượng vải năm 2021 tăng bao nhiêu lần so với năm 2010 (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

**Diện tích gieo trồng lúa của cả nước và một số vùng năm 2022**

(Đơn vị: Nghìn ha)

| Vùng                    | 2022   |
|-------------------------|--------|
| Cả nước                 | 7108,9 |
| Đồng bằng sông Hồng     | 953,6  |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 3802,7 |

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng diện tích gieo trồng lúa so với cả nước năm 2022 của Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đồng bằng sông Hồng là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6. Năm 2022, nước ta có số dân nam là 49,6 triệu người, số dân nữ là 49,9 triệu người. Hãy cho biết tỉ số giới tính của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nam/100 nữ (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

-----HẾT-----

**PHẦN I.**

(Mỗi câu trả lời đúng thí sinh được **0,25 điểm**)

| CÂU | MÃ ĐỀ 401 | MÃ ĐỀ 403 | MÃ ĐỀ 405 | MÃ ĐỀ 407 |
|-----|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1   | A         | A         | D         | C         |
| 2   | A         | C         | D         | D         |
| 3   | C         | C         | D         | D         |
| 4   | C         | B         | A         | D         |
| 5   | D         | A         | C         | C         |
| 6   | C         | C         | A         | D         |
| 7   | A         | C         | C         | D         |
| 8   | D         | B         | B         | C         |
| 9   | A         | D         | A         | A         |
| 10  | A         | A         | D         | D         |
| 11  | B         | A         | D         | C         |
| 12  | A         | D         | B         | D         |
| 13  | C         | B         | B         | A         |
| 14  | D         | B         | A         | D         |
| 15  | D         | A         | D         | D         |
| 16  | D         | D         | C         | A         |
| 17  | C         | C         | A         | C         |
| 18  | D         | D         | C         | A         |

**PHẦN II.**

Điểm tối đa của 01 câu hỏi là **1 điểm**

- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu hỏi được **0,1 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 1 câu hỏi được **0,25 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 1 câu hỏi được **0,5 điểm**.
- Thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 04 ý trong 1 câu hỏi được **1 điểm**.

| MÃ ĐỀ 401 |          |              | MÃ ĐỀ 403 |          |              |
|-----------|----------|--------------|-----------|----------|--------------|
| Câu       | Lệnh hỏi | Đáp án (Đ/S) | Câu       | Lệnh hỏi | Đáp án (Đ/S) |
| 1         | A        | S            | 1         | a        | Đ            |
|           | B        | Đ            |           | b        | S            |
|           | C        | S            |           | c        | S            |
|           | D        | Đ            |           | d        | S            |
| 2         | A        | S            | 2         | a        | S            |
|           | B        | S            |           | b        | S            |
|           | C        | Đ            |           | c        | Đ            |
|           | D        | S            |           | d        | Đ            |

|                  |                 |                     |                  |                 |                     |
|------------------|-----------------|---------------------|------------------|-----------------|---------------------|
| 3                | A               | <b>Đ</b>            | 3                | a               | <b>S</b>            |
|                  | B               | <b>S</b>            |                  | b               | <b>S</b>            |
|                  | C               | <b>S</b>            |                  | c               | <b>Đ</b>            |
|                  | d               | <b>S</b>            |                  | d               | <b>S</b>            |
| 4                | a               | <b>S</b>            | 4                | a               | <b>S</b>            |
|                  | b               | <b>S</b>            |                  | b               | <b>Đ</b>            |
|                  | c               | <b>Đ</b>            |                  | c               | <b>S</b>            |
|                  | d               | <b>Đ</b>            |                  | d               | <b>Đ</b>            |
| <b>MÃ ĐỀ 405</b> |                 |                     | <b>MÃ ĐỀ 407</b> |                 |                     |
| <b>Câu</b>       | <b>Lệnh hỏi</b> | <b>Đáp án (Đ/S)</b> | <b>Câu</b>       | <b>Lệnh hỏi</b> | <b>Đáp án (Đ/S)</b> |
| 1                | a               | <b>S</b>            | 1                | a               | <b>S</b>            |
|                  | b               | <b>S</b>            |                  | b               | <b>S</b>            |
|                  | c               | <b>Đ</b>            |                  | c               | <b>Đ</b>            |
|                  | d               | <b>Đ</b>            |                  | d               | <b>S</b>            |
| 2                | a               | <b>Đ</b>            | 2                | a               | <b>S</b>            |
|                  | b               | <b>S</b>            |                  | b               | <b>S</b>            |
|                  | c               | <b>S</b>            |                  | c               | <b>Đ</b>            |
|                  | d               | <b>S</b>            |                  | d               | <b>Đ</b>            |
| 3                | a               | <b>S</b>            | 3                | a               | <b>Đ</b>            |
|                  | b               | <b>Đ</b>            |                  | b               | <b>S</b>            |
|                  | c               | <b>S</b>            |                  | c               | <b>S</b>            |
|                  | d               | <b>Đ</b>            |                  | d               | <b>S</b>            |
| 4                | a               | <b>S</b>            | 4                | a               | <b>S</b>            |
|                  | b               | <b>S</b>            |                  | b               | <b>Đ</b>            |
|                  | c               | <b>Đ</b>            |                  | c               | <b>S</b>            |
|                  | d               | <b>S</b>            |                  | d               | <b>Đ</b>            |

### PHẦN III.

(Mỗi câu trả lời đúng được **0,25** điểm)

| <b>MÃ ĐỀ 401</b> |               | <b>MÃ ĐỀ 403</b> |               |
|------------------|---------------|------------------|---------------|
| <b>Câu</b>       | <b>Đáp án</b> | <b>Câu</b>       | <b>Đáp án</b> |
| 1                | <b>368</b>    | 1                | <b>24,7</b>   |
| 2                | <b>99,4</b>   | 2                | <b>368</b>    |
| 3                | <b>24,7</b>   | 3                | <b>177</b>    |
| 4                | <b>2,14</b>   | 4                | <b>2,14</b>   |
| 5                | <b>177</b>    | 5                | <b>40,1</b>   |
| 6                | <b>40,1</b>   | 6                | <b>99,4</b>   |
| <b>MÃ ĐỀ 405</b> |               | <b>MÃ ĐỀ 407</b> |               |
| 1                | <b>24,7</b>   | 1                | <b>99,4</b>   |
| 2                | <b>99,4</b>   | 2                | <b>177</b>    |
| 3                | <b>40,1</b>   | 3                | <b>40,1</b>   |
| 4                | <b>2,14</b>   | 4                | <b>368</b>    |
| 5                | <b>177</b>    | 5                | <b>2,14</b>   |
| 6                | <b>368</b>    | 6                | <b>24,7</b>   |

-----**HẾT**-----